

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: **146/2025/HS-PT**

Ngày: 30 – 6 – 2025.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Hương.

Các Thẩm phán:

1. Ông Võ Thanh Hà.

2. Ông Hoàng Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 114/2025/TLPT-HS, ngày 19/5/2025 đối với bị cáo Phạm Minh T về tội “*Nhận hối lộ*” do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2025/HS-ST ngày 18/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ea H’leo, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Phạm Minh T**, sinh ngày 08/9/1990 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi thường trú: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: nguyên Chấp hành viên – Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk; đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 101-QĐ/UBKTHU ngày 18/10/2024; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn P, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1956; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/10/2024 đến ngày 22/01/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Minh T: Luật sư Nguyễn Thái Hồng P1 – Công ty L1, Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai; địa chỉ: Số C, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 03/11/2023 đến ngày 22/11/2023, Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk phân công Chấp hành viên Phạm Minh T thi hành các Quyết định

thi hành án dân sự liên quan đến ông Trần Minh T2, sinh năm 1961 và bà Tạ Thị Thu T3, sinh năm 1972 (vợ ông T2), cùng trú tại: thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; gồm: Quyết định Thi hành án chủ động số 283/QĐ-CCTHADS ngày 03/11/2023 buộc bà T3 phải nộp 30.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; Quyết định Thi hành án theo yêu cầu số 39/QĐ-CCTHADS ngày 08/11/2023 buộc bà T3 phải trả bà Nguyễn Thị Lê S tiền 1.600.000.000 đồng; Quyết định Thi hành án theo yêu cầu số 338/QĐ-CCTHADS ngày 22/11/2023 buộc ông Trần Văn V, bà Tôn Nữ Thùy N phải trả cho ông T2, bà T3 số tiền 141.709.000 đồng.

Trong quá trình tổ chức thi hành các Quyết định thi hành án nêu trên, Phạm Minh T đã có hành vi vi phạm pháp luật như sau: Khoảng giữa tháng 11/2023, Phạm Minh T đến nhà ông Trần Minh T2 để giải quyết việc thi hành án, ông T2 nhờ T giúp thu nợ số tiền của bà N để có tiền trả nợ bà L và hứa sẽ bồi dưỡng cho T số tiền 20.000.000 đồng, T đồng ý. Khoảng 09 giờ ngày 08/01/2024, vợ chồng ông T2, bà T3 cùng anh Trần Anh V1, sinh năm 1995 (con trai ông T2, bà T3) có mặt tại trụ sở Chi cục Thi hành án dân sự huyện E để làm việc. Sau khi ông T2 nhận số tiền 80.000.000 đồng do bà Tôn Nữ Thùy N trả, Phạm Minh T bảo ông T2 đến phòng làm việc của ông Hoàng Văn M, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo để cảm ơn nhưng không gặp; sau đó ông T2 lấy 15.000.000 đồng đưa cho T để được tạo điều kiện giải quyết việc thi hành án. Khi ông T2 đi ra ngoài thì gặp ông Hoàng Văn M đang đứng tại nhà để xe của Chi cục Thi hành án; theo ông T2 khai có nói chuyện và thông báo với ông M về việc đưa cho T 15.000.000 đồng, sẽ đưa tiếp cho T 5.000.000 đồng khi nào thu đủ số tiền còn lại của bà N, đồng thời nhờ giúp đỡ trong việc thi hành án. Tuy nhiên ông M khai vì lúc đó đang bận đi giải quyết công việc nên không để ý, đồng thời do đứng gần đường giao thông nên không nghe rõ nội dung ông T2 nói như trên.

Ngày 30/3/2024, bà Tôn Nữ Thùy N tiếp tục trả cho ông Trần Minh T2 số tiền 25.000.000 đồng còn lại, trước đó bà N đã trả cho ông T2 một phần tiền thi hành án. Khi biết tin bà N đã trả xong tiền thi hành án, ngày 08/4/2024, T đến nhà ông T2 lập biên bản xác nhận việc bà N đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, thu phí thi hành án đối với khoản tiền vợ chồng ông T2 được nhận. Tại đây, ông T2 lấy 2.000.000 đồng và vay Trần Anh V1 (con trai ông T2) số tiền 3.000.000 đồng đưa cho T; do thấy ông T2 nói hoàn cảnh khó khăn nên T cầm 2.000.000 đồng và nói là để mang về đưa cho ông M. Cùng ngày, T viết biên lai số 722 có nội dung ông T2 và bà T3 nộp tiền phí thi hành án số tiền 1.005.000 đồng (1% số tiền thi hành án) chuyển cho bà Nguyễn Thị T4, kế toán Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo lập chứng từ và bà Đinh Thị P2, thủ quỹ Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo để nhập sổ quỹ tiền mặt.

Khoảng 16 giờ ngày 08/4/2024, Phạm Minh T nhận thấy ông T2 có thái độ bức xúc và bản thân nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nên T

đã viết biên lai thu tiền số 0001351 ghi ngày 01/4/2024 (thu 15.000.000 đồng) và biên lai thu tiền số 0001352 ngày 08/4/2024 (thu 2.000.000 đồng) với nội dung bà T3 nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo Quyết định số 283/QĐ-CCTHA ngày 03/11/2023. Ngày 16/4/2024, Phạm Minh T nộp cho bà Nguyễn Thị T4, kế toán các biên lai thu tiền số 0001351, số 0001352 nêu trên để bà T4 làm phiếu thu số 760 (thu số tiền 15.000.000 đồng) và phiếu thu 762 (thu số tiền 2.000.000 đồng) ngày 16/4/2024, T4 chuyển cho bà Đinh Thị P2 thủ quỹ làm thủ tục nhập tiền vào quỹ.

Khoảng 16 giờ ngày 17/4/2024, ông T2, bà T3 và anh V1 đến phòng làm việc của ông Hoàng Văn M nói chuyện với ông M nội dung liên quan đến việc thi hành án giữa bà Nguyễn Thị L và bà T3. Do bức xúc liên quan đến việc thi hành án của bà L, ông T2 nói cho ông M biết việc Phạm Minh T lấy của ông T2 số tiền 17.000.000 đồng để giải quyết việc thi hành án. Ông M đã yêu cầu T cầm hồ sơ thi hành án liên quan để kiểm tra thì thấy có khoản tiền 17.000.000 đồng đã ghi biên lai thể hiện bà T3 nộp tiền án phí, ông M nói với ông T2 khoản tiền 17.000.000 đồng đã ghi vào biên lai có trong hồ sơ, không có việc T nhận hối lộ. Ngày 22/4/2024, ông Trần Minh T2 làm đơn gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E, tỉnh Đắk Lắk tố cáo Phạm Minh T đã gây khó khăn, yêu cầu ông T2 phải đưa tiền thì mới tổ chức thi hành án; đồng thời, ông T2 cung cấp các file âm thanh cuộc nói chuyện giữa ông T2 và Phạm Minh T vào ngày 08/01/2024 và ngày 08/4/2024.

Ngày 23/4/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện Ea Hleo mời Phạm Minh T làm việc theo nội dung tố cáo của ông T2. Ngày 24/4/2024, Phạm Minh T nói với ông Hoàng Văn M về việc Cơ quan điều tra yêu cầu nộp biên lai, phiếu thu nêu trên, ông M đã gọi bà Nguyễn Thị T4 và bà Đinh Thị P2 yêu cầu sửa ngày tại các phiếu thu và sổ quỹ tiền mặt theo thời gian ghi trong Biên lai thu tiền do T lập ngày 01/4/2024 và ngày 08/4/2024. Ngày 24/4/2024, bà Đinh Thị P2 đến Cơ quan CSĐT Công an huyện E làm việc, cung cấp cho Cơ quan điều tra 02 tờ giấy A4 ghi “Sổ quỹ tiền mặt ngày 01/4/2024” trong đó có nội dung bà T3 nộp 15.000.000 đồng án phí và “Sổ quỹ tiền mặt ngày 08/4/2024” trong đó có nội dung bà T3 nộp 2.000.000 đồng án phí. Ngày 25/4/2024, bà P2 và bà T4 chủ động giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện E phiếu thu và sổ quỹ tiền mặt (bản gốc) thể hiện việc thu khoản tiền 15.000.000 đồng và khoản tiền 2.000.000 đồng do T nộp vào ngày 16/4/2024. Ngày 25/4/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện Ea Hleo chuyển nguồn tin về tội phạm nêu trên đến Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao để giải quyết theo thẩm quyền.

Kết quả giám định các file âm thanh do ông Trần Minh T2 cung cấp: Tại Kết luận giám định số 299/KL-KTHS ngày 06/11/2024 của V2, Bộ Công an kết luận: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép chỉnh sửa nội dung trong các file ghi âm cần giám

định. Nội dung lời thoại ở các file âm thanh cần giám định được chuyển thành văn bản; G nói trong file âm thanh cuộc hội thoại ngày 08/01/2024 là giọng của ông Trần Minh T2, bà Tôn Nữ Thùy N và bị cáo Phạm Minh T, không xác định được giọng nói của ông Hoàng Văn M trong file âm thanh ngày 08/01/2024 do mẫu cần giám định ngắn, chất lượng thấp; G nói trong file ghi âm cuộc hội thoại ngày 08/4/2024 là giọng của ông Trần Minh T2 và bị cáo Phạm Minh T. Nội dung các cuộc nói chuyện giữa ông T2 với Phạm Minh T thể hiện việc ông T2 đưa cho Phạm Minh T số tiền 17.000.000 đồng để được tạo điều kiện trong việc thi hành án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2025/HS-ST ngày 18/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 354; các điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Minh T phạm tội “Nhận hối lộ”.
2. Xử phạt bị cáo Phạm Minh T 02 (Hai) năm tù. Khấu trừ thời gian bị bắt tạm giam (từ ngày 09/10/2024 đến ngày 22/01/2025). Bị cáo Phạm Minh T còn phải chấp hành hình phạt 01 năm 08 tháng 17 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/3/2025 bị cáo Phạm Minh T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Phạm Minh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo về tội “Nhận hối lộ” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, mức hình phạt 02 năm tù mà cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là nghiêm khắc bởi bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Minh T, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2025/HS-ST ngày 18/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk. Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 354; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Phạm Minh T 01 năm 06 tháng tù về tội “Nhận hối lộ”, được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giam từ ngày 09/10/2024 đến ngày 22/01/2025. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Không có ý kiến gì về tội danh mà án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo. Tuy nhiên về mức hình phạt mà án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là quá nặng, bởi lẽ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục hậu quả nộp lại số tiền thu lợi bất chính, quá trình công tác đã có

nhiều thành tích và được tặng giấy khen, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

Bị cáo đồng ý với ý kiến của người bào chữa và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Phạm Minh T tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Phạm Minh T là Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk được phân công tổ chức thi hành án theo Quyết định Thi hành án theo yêu cầu số 338/QĐ-CCTHADS ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo buộc ông Trần Văn V, bà Tôn Nữ Thùy N phải trả cho ông Trần Minh T2 và bà Tạ Thị Thu T3 số tiền 141.709.000 đồng. Quá trình thực hiện thi hành án, lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, trong các ngày 08/01/2024 và ngày 08/4/2024, Phạm Minh T đã nhận của ông Trần Minh T2 tổng số tiền 17.000.000 đồng để tạo điều kiện trong việc thi hành án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo về tội “Nhận hối lộ” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Minh T, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước, việc áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên, xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Quá trình điều tra và tại các phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, trước khi bị phát giác, bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đã sử dụng số tiền đã nhận của ông T2, bà T3 nộp vào khoản tiền án phí mà ông T2, bà T3 có nghĩa vụ phải thi hành, bản thân chưa tư lợi đối với số tiền mà bị cáo nhận. Quá trình công tác, bị cáo có nhiều thành tích và được cấp có thẩm quyền tặng nhiều giấy khen, gia đình có công với cách mạng, hoàn cảnh khó khăn, hiện tại đang chăm sóc mẹ già đau ốm. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm b, s, v, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nhân thân tốt, nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng cải tạo đối với bị cáo.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Minh T, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2025/HS-ST ngày 18/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

[2] Về tội danh và hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Minh T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Nhận hối lộ”. Được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giam từ ngày 09/10/2024 đến ngày 22/01/2025, bị cáo còn phải chấp hành 11 (Mười một) tháng 17 (Mười bảy) ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

[3] Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Phạm Minh T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea H'leo;
- VKSND huyện Ea H'leo;
- Công an tỉnh Đắk Lắk (PV06);
- CC THADS huyện E;
- UBKT huyện ủy E;
- Bị cáo; Lưu hồ sơ;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lưu Thị Thu Hương